

Bản án số: 55/2021/HS-ST.

Ngày: 15-9-2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ XUÂN - TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tiến Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Tình - Cán bộ hưu trí.

Ông Lê Văn Hiếu - Cán bộ Đoàn thanh niên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lô Thị Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Như Xuân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Như Xuân xét xử sơ thẩm kín vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 51/2021/TLST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2021/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 9 năm 2021, đối với bị cáo:

Lữ Văn Q (tên gọi khác là Lữ Văn K), sinh ngày 14/3/2001 tại huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn V, xã P, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lữ Văn H và bà Vi Thị L; Tiền sự, tiền án: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/7/2021 đến nay. Có mặt.

Người bào chữa: Ông Hoàng Đức Hiếu - Trợ giúp viên pháp lý - Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 4, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Bị hại: Cháu Vi Thị T, sinh ngày 17/3/2004.

Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Vi Trọng Th - Sinh năm 1955.

Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Bà Nguyễn Thị Hương - Trợ giúp viên pháp lý - Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 4, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Người làm chứng:

1. Bà Vi Thị L - Sinh năm 1974.

Nơi cư trú: Thôn V, xã P, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

2. Cháu Hà Thị Th - Sinh ngày 18/8/2004.

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

3. Ông Lữ Văn H - Sinh năm 1968.

Nơi cư trú: Thôn V, xã P, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 10/2019, thông qua mạng xã hội Facebook, Lữ Văn Q, sinh năm 2001 ở thôn Chạng Vung, xã Thanh Phong, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa đã nhắn tin, làm quen với Vi Thị T, sinh ngày 17/3/2004 ở thôn Thành Nàng, xã Tân Thành, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, quá trình nhắn tin giữa Q và T nảy sinh tình cảm với nhau. Đến ngày 24/01/2020, Q rủ T đi lên nhà Q chơi thì T đồng ý và cho Q địa chỉ, Q đi xe máy một mình đến đón T, đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày Q chở T về nhà mình chơi, khi về nhà có bố mẹ Q đang ở nhà, Q dẫn T vào nhà ngồi ở bàn uống nước nói chuyện, sau đó bố mẹ Q đi ra ngoài, Q đứng dậy đi ra khép cửa lại rồi đi đến chỗ T ngồi ôm và hôn vào cổ T, Q dẫn T đến giường nằm bên góc phải của ngôi nhà, T ngồi xuống giường rồi nằm xuống, lúc này Q dùng hai tay tút quần dài và quần lót của T xuống để ra cạnh giường, Q đứng dậy cởi thắt lưng và quần của mình xuống, sau đó Q lên giường kéo T lại nằm dọc theo giường, Q dùng hai tay nhấc hai chân của T dạng ra rồi dùng tay trái cầm dương vật đút vào âm hộ của T, Q quan hệ tình dục với T được khoảng 08 phút thì xuất tinh vào âm hộ T, quá trình quan hệ tình dục Q và T chỉ cởi quần và vẫn mặc áo. Sau khi quan hệ tình dục xong, Q lấy khăn lau cho T rồi cả hai tự mặc quần, do mệt nên T nằm ngủ còn Q đi chơi. Sau khi đi chơi về đến khoảng 22 giờ cùng ngày, Q tiếp tục quan hệ tình dục với T.

Đến 00h ngày 25/01/2020, Q tiếp tục quan hệ tình dục với T, trong các lần quan hệ tình dục T đều đồng ý và không kháng cự gì. Trong các ngày 26, 27/01/2020 Q thừa nhận quan hệ tình dục nhiều lần với T, tuy nhiên Q không nhớ rõ cụ thể thời gian quan hệ tình dục do các lần quan hệ tình dục trên Q thực hiện đã lâu nên không thể nhớ rõ. Khoảng 06h đến 07h ngày 28/01/2020, Q và T ngủ dậy thì tiếp tục quan hệ tình dục với nhau một lần nữa, sau đó Q thuê xe cùng với người nhà đưa T về nhà tại thôn Thành Nàng, xã Tân Thành, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Trong các ngày 24, 25, 26, 27, 28/01/2020 khi T ở cùng Q tại nhà Q, cả hai người đều thừa nhận đã thực hiện tổng cộng 11 lần quan hệ tình dục với nhau và không có lần nào dùng biện pháp tránh thai. Ngày 20/4/2020, T đi khám tại Hà Nội thì biết mình mang thai được 14 tuần và thông báo cho Q biết, tuy nhiên do mâu thuẫn nên T cắt đứt liên lạc với Q. Đến ngày 20/10/2020, T sinh một cháu trai tại Bệnh viện đa khoa huyện Thường Xuân và đặt tên là Vi Thế M. Do Q không có trách nhiệm với T và cháu bé nên ngày 02/6/2021 T đã đến trình báo sự việc với Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Thường Xuân. Sau khi xác minh, xét thấy hành vi xảy ra trên địa bàn huyện Như Xuân nên Cơ quan điều tra, Công an huyện Thường Xuân đã chuyển vụ việc trên đến Cơ quan điều tra, Công an huyện Như Xuân để giải quyết theo thẩm quyền. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã xác minh và triệu tập Q đến làm việc, tại Cơ quan điều tra Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

(Bút lục số: 153 - 181, 184 - 188, 191 - 193, 196 - 198)

* Tại Bản kết luận giám định pháp y về tình dục số TD49/2021/TTPY ngày 30/6/2021 của Trung tâm pháp y - Sở y tế tỉnh Thanh Hoá kết luận: Tại thời điểm khám giám định pháp y về tình dục đối với Vi Thị T:

- Vùng đầu, mặt, cổ không thấy tổn thương.
- Vùng lưng, ngực, bụng, tứ chi không thấy tổn thương.
- Âm hộ không thấy tổn thương.
- Vú hai bên không thấy tổn thương.
- Mông hai bên không thấy tổn thương.
- Lông mu dày.
- Màng trinh rách cũ nhiều vị trí.

- Tại thời điểm giám định pháp y về tình dục: Không đủ chứng cứ khoa học và các dữ liệu khách quan để xác định chính xác về thời gian rách màng trinh của Vi Thị T.

- Hậu môn không có tổn thương.
- Không tìm thấy tinh trùng và xác tinh trùng trên các mẫu dịch thu được từ bộ phận sinh dục của Vi Thị T.
- Không tìm thấy song cầu khuẩn trong các mẫu dịch thu được từ bộ phận sinh dục của Vi Thị T.
- Vi Thị T không có thai.

(Bút lục số: 68 - 69).

* Tại Bản kết luận giám định pháp y về ADN số ADN92/2021/TTPY ngày 07/7/2021 của Trung tâm pháp y - Sở y tế tỉnh Thanh Hoá kết luận: “Chị Vi Thị T, sinh ngày 17/3/2004 ở xã Tân Thành, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa có cùng huyết thống mẹ - con với cháu Vi Thế M, sinh ngày 20/10/2020 ở xã Tân Thành, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa”.

* Tại Bản kết luận giám định pháp y về ADN số ADN93/2021/TTPY ngày 07/7/2021 của Trung tâm pháp y - Sở y tế tỉnh Thanh Hoá kết luận: “Anh Lữ Văn Q, sinh ngày 14 tháng 3 năm 2001 ở Chặng Vung, xã Thanh Phong, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa có cùng huyết thống cha con với cháu Vi Thế M, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2020 ở xã Tân Thành, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa”.

(Bút lục số: 70 - 73).

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Vi Thị T yêu cầu Lữ Văn Q bồi thường tiền tổn thất tinh thần do sức khỏe, danh dự, nhân phẩm bị xâm phạm với tổng số tiền là 15.000.000đ. Q đồng ý bồi thường số tiền trên, tuy nhiên do hoàn cảnh khó khăn nên Q và bị hại T thỏa thuận sẽ cho Q trả số tiền trên trong thời hạn 03 tháng tính từ ngày thỏa thuận. Ngoài ra, phía gia đình bị hại T còn yêu cầu Q phải chu cấp cho cháu Vi Thế M mỗi tháng 1.500.000đ đến khi cháu M đủ 18 tuổi, Q đã khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại T số tiền 1.000.000đ, bị hại T đã nhận tiền và làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Q. (Bút lục số: 140 - 144)

Trước khi mở phiên tòa, Lữ Văn Q tiếp tục bồi thường thiệt hại cho Vi Thị T số tiền 7.000.000đ.

Bản cáo trạng số: 42/CT-VKSNN ngày 26/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân truy tố Lữ Văn Q về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo các điểm a, d khoản 2 Điều 145 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Vi Trọng Th yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho bị hại Vi Thị T 15.000.000đ; Chấp nhận bị cáo đã bồi thường được 8.000.000đ, yêu cầu bị cáo phải bồi thường 7.000.000đ còn lại vào ngày 15/10/2021. Bị cáo phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con là cháu Vi Thế M mỗi tháng 1.000.000đ; Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10/2021, cho đến khi cháu M thành niên và có khả năng lao động để tự nuôi bản thân.

Bị cáo Lữ Văn Q đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Bị cáo chấp nhận bồi thường và cấp dưỡng theo yêu cầu của người đại diện hợp pháp của bị hại.

Người đại diện hợp pháp của bị hại thống nhất với ý kiến của bị cáo về vấn đề bồi thường; Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Q.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố, hành vi của bị cáo Lữ Văn Q đủ yếu tố cấu thành tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Lữ Văn Q phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”.

Áp dụng: Các điểm a, d khoản 2 Điều 145; điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lữ Văn Q với mức án từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù.

Ngoài ra, Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết phân trách nhiệm dân sự; và nghĩa vụ án phí của bị cáo theo quy định của pháp luật.

Trợ giúp viên pháp lý Hoàng Đức Hiếu bào chữa cho bị cáo Lữ Văn Q nêu quan điểm: Nhất trí với bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân truy tố bị cáo Q về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo các điểm a, d khoản 2 Điều 145 của Bộ luật hình sự;

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, cho bị cáo Lữ Văn Q được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật quy định để bị cáo yên tâm cải tạo, sớm thành người công dân tốt; Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo với bị hại về vấn đề bồi thường thiệt hại và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật; Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Q.

Bị cáo không bổ sung ý kiến bào chữa.

Trợ giúp viên pháp lý Nguyễn Thị Hương bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại nhất trí với bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân, truy tố bị cáo Lữ Văn Q về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”, theo các điểm a, d khoản 2 Điều 145 của Bộ luật hình sự; Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng

xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo với bị hại về vấn đề bồi thường thiệt hại và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của bị hại không trình bày, bổ sung ý kiến gì.

Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không tranh luận gì.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo yên tâm cải tạo, sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Như Xuân, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lữ Văn Q là người đã thành niên, lợi dụng sự thiếu hiểu biết của Vi Thị T, sinh ngày 17/3/2004 nên Q đã thực hiện hành vi giao cấu với T 11 lần vào các ngày 24, 25, 26, 27, 28 tháng 01 năm 2020 (Q quan hệ tình dục với T lần đầu tiên là ngày 24/01/2020 khi T mới 15 tuổi 10 tháng 6 ngày) tại nhà Q ở thôn Chạng Vung, xã Thanh Phong, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá làm T có thai. Đến ngày 20/10/2020, T sinh con và đặt tên là Vi Thế M, do Q thiếu trách nhiệm và không nhận con nên vào ngày 02/6/2021, T làm đơn tố cáo hành vi quan hệ tình dục của Q với T khi T chưa đủ 16 tuổi đến Cơ quan Công an. Tại phiên tòa, Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

[2.1] Lời khai của bị cáo Lữ Văn Q tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, phù hợp với nội dung của bản Cáo trạng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[2.2] Bị cáo Lữ Văn Q là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi giao cấu với Vi Thị T là trái pháp luật, trái đạo đức xã hội, xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về danh dự, nhân phẩm và sức khỏe của người phụ nữ, người chưa thành niên, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện nhiều lần làm bị hại có thai. Vì vậy, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” quy định tại các điểm a, d khoản 2 Điều 145 của Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi và hậu quả: Hành vi Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi của bị cáo Lữ Văn Q là rất nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội. Xuất phát từ ham muốn và dục vọng thấp hèn, bị cáo đã lợi dụng sự thiếu hiểu biết, chưa hoàn thiện về nhận thức của Vi Thị T để quan hệ tình dục nhiều lần với bị hại, làm bị hại có thai. Bị cáo không những xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm và sức khỏe của người phụ nữ, người chưa thành niên, mà còn gây mất trật tự trị an xã hội, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần có đường lối xử lý nghiêm để giáo dục bị cáo và phòng ngừa, răn đe tội phạm nói chung.

[4] Tuy nhiên, xét về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo Lữ Văn Q là người có nhân thân tốt, không có tiền sự, tiền án; Sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội; Bị cáo đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại; Bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại đều có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bản thân bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, hiểu biết pháp luật hạn chế. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo được quy định tại các điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của Q như đã nêu trên, khi quyết định hình phạt xét thấy việc cách ly xã hội đối với bị cáo một thời gian là cần thiết, nhưng cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo, sớm trở thành người công dân tốt.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị cáo Lữ Văn Q và người đại diện hợp pháp của bị hại Vi Thị T đã thỏa thuận được với nhau về việc bồi thường và nghĩa vụ cấp dưỡng, theo đó bị cáo phải bồi thường cho bị hại Hà Thị T khoản tiền thiệt hại là 15.000.000đ, bị cáo đã bồi thường được 8.000.000đ, còn phải bồi thường tiếp 7.000.000đ vào ngày 15/10/2021; đồng thời bị cáo phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con là cháu Vi Thế M mỗi tháng 1.000.000đ; Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10/2021, cho đến khi cháu M thành niên và có khả năng lao động để tự nuôi bản thân. Đây là quan hệ dân sự, các bên đã tự nguyện cam kết, thỏa thuận, không trái với pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận trong bản án.

[7] Án phí: Căn cứ vào đơn xin miễn nộp tiền án phí của bị cáo Lữ Văn Q; Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Q. Bị cáo Q là người bị kết án nên buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các điểm a, d khoản 2 Điều 145; các điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Căn cứ vào: Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585; khoản 2 Điều 590; khoản 2 Điều 592; Điều 351; Điều 357 của Bộ luật dân sự; Điều 107, Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào: Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 6; các điểm a, c khoản 1 Điều 23; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Tuyên bố: Bị cáo Lữ Văn Q (tên gọi khác là Lữ Văn K) phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”.

Xử phạt: Bị cáo Lữ Văn Q 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Về trách nhiệm dân sự:

Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại tại phiên tòa, bị cáo Lữ Văn Q phải bồi thường cho bị hại Vi Thị T khoản tiền thiệt hại là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng). Lữ Văn Q đã bồi thường được 8.000.000đ (tám triệu đồng), còn phải bồi thường 7.000.000đ (bảy triệu đồng) cho Vi Thị T vào ngày 15/10/2021. Lữ Văn Q có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con là cháu Vi Thế M mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng); Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10/2021, cho đến khi cháu M thành niên và có khả năng lao động để tự nuôi bản thân.

Nếu Lữ Văn Q vi phạm thời hạn bồi thường và cấp dưỡng như đã cam kết, Vi Thị T có yêu cầu thi hành án đối với số tiền Lữ Văn Q phải bồi thường và cấp dưỡng, nếu Lữ Văn Q không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì Lữ Văn Q phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án, theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Quyết định về phần bồi thường thiệt hại và cấp dưỡng nuôi con của Bản án này được thi hành ngay, mặc dù có thể bị kháng cáo, khiếu nại, kháng nghị, kiến nghị.

Án phí: Bị cáo Lữ Văn Q phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm; Miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Lữ Văn Q.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại;
- VKSND H.Như Xuân;
- Người bào chữa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- CQĐT H.Như Xuân;
- Chi cục THADS H.Như Xuân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lê Tiến Thịnh